

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2018/DS-PT
Ngày 09 - 7 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu

Các Thẩm phán: Ông Lê Trọng Hân

Bà Hoàng Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 12 năm 2017 và ngày 09 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 221/2017/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Thanh T, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị U, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. NLQ2 (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3. NLQ3 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị U là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn chị Phan Thị Thanh T trình bày:

Ngày 25/02/2015 âm lịch chị Thanh T có mở một dây hội 2.000.000 đồng, 10 ngày xổ 01 lần. Dây hội này có 43 hội viên. Trước khi khai hội chị Thanh T có mời và bà Võ Thị U tham gia nhưng bà U từ chối.

Sau đó NLQ1 (4 C) là mẹ ruột của chị Thanh T rủ bà U tham gia góp hội thì bà U đồng ý góp 01 phần. Bà U đóng hội sống được 14 lần và hốt hội ở lần xổ thứ 15. Tiền hội hốt được 77.000.000 đồng, trừ huê hồng 1.000.000 đồng, còn 76.000.000 đồng chị Thanh T đã giao đủ cho bà U. Sau khi hốt hội bà U có nghĩa vụ phải đóng hội chết cho chị Thanh T 28 lần bằng 56.000.000 đồng, nhưng bà U mới đóng được 01 lần 2.000.000 đồng, còn lại 27 lần tới thời điểm mãn hội bà U vẫn không đóng.

Chị Thanh T yêu cầu bà Võ Thị U trả cho chị 54.000.000 đồng chị Thanh T đã đóng thay cho bà U để giao cho các hội viên.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện và trong đơn khởi kiện có nội dung phản tố bị đơn bà Võ Thị U trình bày:

Bà tham gia góp hội đối với dây hội 2.000.000 đồng, 10 ngày xổ 01 lần, khai hội ngày 25/02/2015 âm lịch. Dây hội này do NLQ1 (4 C) làm chủ hội, không phải chị Phan Thị Thanh T. Trước khi xổ hội chị Thanh T có rủ bà U tham gia nhưng bà không đồng ý.

Lúc NLQ1 rủ thì bà tham gia, do trước đây vào năm 2013 NLQ1 cũng đã làm chủ 01 dây hội, bà tham gia góp hội và hai bên thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ với nhau nên bà mới đồng ý góp hội với NLQ1. Bà U đóng hội sống được 14 lần và hốt hội ở lần xổ thứ 15. Bà U đóng hội chết được 01 lần thì không đóng nữa.

Việc bà U không đóng hội chết cho NLQ1 là vì: Vào ngày 30/02/2014 âm lịch NLQ1 mở 01 dây hội 2.000.000 đồng, 15 ngày xổ 01 lần, bà U tham gia 03 phần, đã hốt hết và thực hiện việc đóng lại hội chết đầy đủ. Nhưng tiền hội hốt được NLQ1 giao còn thiếu 62.800.000 đồng, đã trả được 2.000.000 đồng, còn 60.800.000 đồng. Dây hội này do NLQ1 trực tiếp mời bà U tham gia, khi hội xổ

được vài tháng NLQ1 đưa sổ hụi thì lại ghi chủ hụi là NLQ3. Bà U hỏi tại sao như vậy thì NLQ1 trả lời ai làm chủ hụi cũng vậy NLQ1 lãnh cho, nên bà U cũng đồng ý. Vì NLQ3 là con rể của NLQ1.

Nay bà U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng NLQ3, NLQ2, và NLQ1 cùng liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền 60.800.000 đồng cho bà U. Bà U đồng ý cản trừ số nợ này với số tiền bà U còn nợ NLQ1 đối với dây hụi năm 2015. Phần thừa lại bà U không yêu cầu trả thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện NLQ1 trình bày:

Năm 2014 con gái NLQ1 là NLQ2 cùng chồng là NLQ3 có mở một dây hụi và tự làm chủ hụi, dây hụi này không có liên quan gì đến NLQ1. NLQ1 cũng không rủ bà U tham gia góp hụi.

Năm 2015 chị Phan Thị Thanh T cũng là con gái của NLQ1 mở 01 dây hụi 10 ngày 2.000.000 đồng, NLQ1 rủ bà U tham gia và đứng ra bảo lãnh. Bà U hốt hụi ở lần xổ thứ 15. Chị Thanh T giao hụi đầy đủ nhưng bà U chỉ đóng hụi chết 01 lần, còn nợ lại 27 lần bằng 54.000.000 đồng.

NLQ1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà U trả cho chị Thanh T 54.000.000 đồng, NLQ2 và NLQ3 trả cho bà U 60.800.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện NLQ2 trình bày:

Ngày 30/02/2014 âm lịch NLQ2 mở một dây hụi nửa tháng 2.000.000 đồng do chồng NLQ2 là NLQ3 làm chủ hụi. Dây hụi này bà U tham gia 03 phần, bà U đã hốt hụi hết 03 phần và trừ vào nghĩa vụ góp hụi chết, nhưng vợ chồng NLQ2 giao hụi còn nợ bà U 62.800.000 đồng. Sau đó, NLQ2 đã trả được 2.000.000 đồng, còn nợ 60.800.000 đồng đến nay chưa thanh toán.

NLQ2 đồng ý vợ chồng NLQ2 có trách nhiệm trả cho bà U số tiền này, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ngày 28/4/2017 NLQ3 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của NLQ3.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DS-ST ngày 24/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Phan Thị Thanh T đối với bà Võ Thị U về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi. Buộc bà Võ Thị U trả cho chị Phan Thị Thanh T 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng) tiền hụi.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Võ Thị U. Buộc NLQ2, NLQ3 trả cho bà Võ Thị U 60.800.000 đồng (sáu mươi triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền hụi.

- Bác yêu cầu của bà Võ Thị U đối với NLQ1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 04/8/2017 bà Võ Thị U có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh T yêu cầu bà phải trả tiền hội 54.000.000 đồng; Đề nghị buộc NLQ1 trả cho bà số tiền hội còn nợ 60.800.000 đồng, khấu trừ số tiền 54.000.000 đồng, NLQ1 còn nợ bà lại số tiền 6.800.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và đơn kháng cáo; nguyên đơn không đồng ý đơn kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không tự hòa giải được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

Chị Thanh T thừa nhận khi mở dây hội ngày 25/02/2015 âm lịch chị Thanh T không mời được bà U tham gia. Sau khi bà L mời thì bà U tham gia. Giữa chị Thanh T với bà U không có giao dịch với nhau trước khi mở hội. Nhưng tiền hốt hội là do chị Thanh T giao cho bà U. Danh sách hội viên và số điện thoại chủ hội trong giấy hội là do chị Thanh T ghi trong đó có số điện thoại của bà Tư C tức là NLQ1 là mẹ ruột của chị Thanh T.

NLQ1 xác nhận có mời bà U tham gia dây hội ngày 25/02/2015 âm lịch. Sau khi chị Thanh T cho NLQ1 biết bà U không đồng ý tham gia dây hội do chị Thanh T làm chủ thì NLQ1 gọi điện thoại mời bà U và bà U đồng ý tham gia. Tuy nhiên, NLQ1 cho rằng bà không phải là chủ hội và không có liên quan gì đến dây hội này.

Bà U xác định bà chỉ tham gia dây hội do NLQ1 tức bà Tư C là chủ hội, vì giữa bà và NLQ1 đã có lần giao dịch với nhau. Năm 2013 bà Tư C đã từng làm chủ một dây hội, bà U đã tham gia và hai bên thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ với nhau. Đến năm 2014 NLQ1 tiếp tục làm chủ một dây hội khác và mời bà tham gia, nhưng khi đưa danh sách hội thì lại ghi tên chủ hội là NLQ3. Bà U có thắc mắc thì NLQ1 trấn an nói bà cứ yên tâm NLQ1 sẽ bảo lãnh cho nên NLQ3 không làm tròn nghĩa vụ. Dây hội này khi bà U hốt hội thì NLQ1 và NLQ3 còn nợ bà U 60.800.000 đồng đến nay không thanh toán.

Bà U chỉ đồng ý trả số tiền nợ hội 54.000.000 đồng của dây hội xổ ngày 25/02/2015 âm lịch cho NLQ1, vì bà không chơi hội với chị Thanh T. Đồng thời, yêu cầu khấu trừ số nợ NLQ1, NLQ3 còn nợ bà trong dây hội năm 2014.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến

thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ lời khai những người làm chứng có cơ sở cho rằng chị Phan Thị Thanh T là chủ dây hụi ngày 25/02/2015 nên chị Thanh T kiện bà U là đúng. Đối với yêu cầu phản tố của bà U cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên một phần bản án sơ thẩm đối với đơn khởi kiện của chị Phan Thị Thanh T. Hủy một phần bản án sơ thẩm đối với đơn khởi kiện của bà Võ Thị U đối với NLQ3, NLQ2, NLQ1.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 27/6/2016 Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn khởi kiện phản tố của bà Võ Thị U đối với vợ chồng NLQ2, NLQ3 và NLQ1 để tranh chấp số tiền hụi mà bà U cho rằng vợ chồng NLQ3 và NLQ1 giao hụi còn thiếu 65.950.000 đồng, yêu cầu cản trừ số nợ bà U còn thiếu NLQ1 đối với hụi năm 2015 do NLQ1 làm chủ hụi. Thông báo thụ lý được Tòa án tổng đạt cho NLQ3 thông qua vợ là NLQ2, NLQ2 cam kết giao lại cho NLQ3.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay không có bất cứ lời khai nào của NLQ3 liên quan đến nội dung bà U khởi kiện, trong hồ sơ NLQ3 có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng đơn lại gửi Tòa án nhân dân huyện U. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 12/12/2017 NLQ2 thừa nhận đơn xin vắng mặt của NLQ3 là do NLQ2 ký, đồng thời NLQ2 xác định NLQ3 đã bị bệnh nhũn não, không nhận thức được hành vi của mình và có giấy ra viện ngày 15/12/2015 của Bệnh Viện đa khoa tỉnh Kiên Giang chẩn đoán di chứng tai biến mạch máu não. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm, tạm ngưng phiên tòa để NLQ2 làm thủ tục yêu cầu tuyên bố NLQ3 là người mất năng lực hành vi dân sự. Ngày 05/3/2018 Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã thụ lý đơn yêu cầu của NLQ2 đề nghị Tòa án tuyên bố NLQ3 là người mất năng lực hành vi dân sự, tuy nhiên ngày 26/4/2018 NLQ2 có đơn xin rút đơn yêu cầu khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện A đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Các đương sự khác cũng không có ai yêu cầu tòa tuyên bố NLQ3 mất năng lực hành vi dân sự. Nên đến thời điểm hiện nay cấp phúc thẩm không có căn cứ để

xác định về năng lực hành vi dân sự của NLQ3. Tòa án cấp sơ thẩm không thẩm tra xác minh mặc nhiên chấp nhận việc NLQ3 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn chị Phan Thị Thanh T khởi kiện bà Võ Thị U để đòi số tiền nợ hội 54.000.000 đồng. Nhưng bà U xác định không có tham gia chơi hội với chị Thanh T mà chỉ chơi hội với NLQ1 mẹ chị Thanh T. Theo lời thừa nhận của chị Thanh T và NLQ1 trước khi khai dây hội ngày 25/02/2015 âm lịch chị Thanh T có mời bà Võ Thị U tham gia nhưng bà U từ chối. Sau đó NLQ1 (Tur C) mời thì bà U mới tham gia một chân hội.

Bà U cho rằng bà chỉ đồng ý tham gia dây hội do NLQ1 làm chủ hội vì vào năm 2013, hai bên đã từng giao dịch hội với nhau. NLQ1 khi đó làm chủ dây hội 1.000.000 đồng, tháng xổ 03 lần, khi bà U hốt hội NLQ1 giao đầy đủ.

Căn cứ vào bản danh sách hội áp ngày 20/10/2013 âm lịch (bút lục số 88) và danh sách hội áp ngày 25/02/2015 âm lịch (bút lục số 89) do bà U cung cấp được NLQ1 và chị T thừa nhận 02 giấy này đều do phía NLQ1, chị T giao cho bà U. Thấy rằng, danh sách hội năm 2013 có ghi hai số điện thoại 0945866636 và 0942275127, ghi tên chủ hội là Tur C; danh sách hội năm 2015 không ghi tên chủ hội nhưng cũng ghi hai số điện thoại 0945866636 và 0942275127. Trong hai số này thì số điện thoại 0945866636 là số điện thoại của NLQ1, kết hợp với lời khai của NLQ1 và chị Thanh T về việc bà U từ chối tham gia hội do chị Thanh T làm chủ hội là có cơ sở chấp nhận lời khai của bà U về việc bà U chỉ giao dịch với NLQ1 không giao dịch với chị Thanh T.

Cấp sơ thẩm xử buộc bà U trả cho chị Thanh T 54.000.000 đồng là không có căn cứ. Vì vậy cần phải sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh T đối với bà Võ Thị U.

Đối với dây hội do vợ chồng NLQ3 làm chủ hội cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai của NLQ3, vì vậy không có căn cứ để xác định NLQ1 có liên quan gì trong dây hội này và có phải chịu trách nhiệm gì với bà U trong dây hội này hay không.

Với những sai sót này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Sau khi thảo luận Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đơn kháng cáo của bà Võ Thị U, chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát; sửa một phần bản án sơ thẩm về việc bác yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh T đối với bà Võ Thị U. Hủy một phần bản án sơ thẩm về việc bà Võ Thị U khởi kiện NLQ3, NLQ2, NLQ1.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung khởi kiện của chị Phan Thị Thanh T nên án phí cũng phải sửa cho phù hợp. Cụ thể, chị Thanh T bị bác yêu cầu khởi kiện 54.000.000 đồng nên phải chịu án phí 5% = 2.700.000 đồng, được khấu trừ vào án phí đã nộp.

- Án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị U không phải chịu, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà U.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 479 Bộ Luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 29; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Võ Thị U.

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Bác yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh T về việc đòi bà Võ Thị U trả số tiền 54.000.000 đồng.

2. Hủy một phần bản án sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang về việc bà Võ Thị U khởi kiện NLQ3, NLQ2, NLQ1.

Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện A giải quyết lại vụ kiện theo thủ tục chung.

3. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Thanh T phải chịu án phí 2.700.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 1.350.000 đồng theo các biên lai thu số 0001993 ngày 07/12/2015, 0002238 ngày 17/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang, chị Thanh T còn phải nộp thêm 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Hoàn lại cho bà Võ Thị U tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000423 ngày 04/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- THA dân sự huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Cẩm Thu